

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 316/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 108/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 135/2025/NĐ-CP)

1. Sửa đổi điểm c.1 khoản 2 Điều 13 như sau:

“c.1) Đối với chứng khoán kinh doanh: ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài hạch toán vào thu nhập theo quy định pháp luật về kế toán;”

2. Sửa đổi khoản 4, khoản 5 Điều 22 như sau:

“4. Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được phân phối theo thứ tự sau:

a) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; mức tối đa của quỹ này không vượt quá 25% mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng;

b) Trích không quá 40% vào quỹ đầu tư phát triển, đảm bảo trích không quá 50% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Mức tối đa của quỹ đầu tư phát triển không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

c) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên theo nguyên tắc:

Tổ chức tín dụng xếp loại A theo quy định tại Nghị định này được trích không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;

Tổ chức tín dụng xếp loại B theo quy định tại Nghị định này được trích không quá 02 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;

Tổ chức tín dụng xếp loại C theo quy định tại Nghị định này được trích không quá 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;

Tổ chức tín dụng không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

5. Trường hợp phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập quỹ đầu tư phát triển quy định tại khoản 4 Điều này mà không đủ nguồn để trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên theo mức quy định thì tổ chức tín dụng được giảm trừ phần lợi nhuận trích lập quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn trích lập đủ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên theo mức quy định, nhưng mức giảm tối đa không quá mức trích vào quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.”

3. Sửa đổi Điều 23 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b, điểm c khoản 4 Điều 23 như sau:

“b) Trích không quá 40% vào quỹ đầu tư phát triển, đảm bảo trích không quá 50% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Mức tối đa của quỹ đầu tư phát triển không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

c) Trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên theo nguyên tắc tương tự như tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

b) Sửa đổi khoản 7 Điều 23 như sau:

“7. Trường hợp chia cổ tức bằng cổ phiếu theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính trước khi trình Thủ tướng Chính phủ quyết định tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu. Việc chia cổ tức bằng cổ phiếu áp dụng đối với tổ chức tín dụng đáp ứng được các tiêu chí sau:

a) Đang hoạt động có hiệu quả được đánh giá dựa trên tiêu chí đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng có vốn nhà nước quy định tại Nghị định này, đảm bảo kết quả xếp loại của hai năm liên kề trước năm xác định chia cổ tức bằng cổ phiếu đạt từ loại B trở lên theo công bố kết quả xếp loại của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, khoản 4 Điều 24 như sau:

“3. Trích không quá 40% vào quỹ đầu tư phát triển, đảm bảo trích không quá 50% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Mức tối đa của quỹ đầu tư phát triển không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

4. Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này được phân phối như sau:

a) Đối với ngân hàng hợp tác xã:

Ngân hàng hợp tác xã được trích quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, người quản lý ngân hàng hợp tác xã, kiểm soát viên theo nguyên tắc tương tự như tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Tối thiểu trước 30 ngày tổ chức Đại hội thành viên, người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng xin ý kiến Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo về việc phân chia phần lợi nhuận còn lại trước khi biểu quyết tại Đại hội thành viên.

Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lấy ý kiến thống nhất với Bộ Tài chính việc phân chia phần lợi nhuận còn lại để chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại ngân hàng biểu quyết tại Đại hội thành viên.

Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Bộ Tài chính có ý kiến chính thức bằng văn bản gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với phần lợi nhuận chia cho thành viên là Nhà nước, ngân hàng hợp tác xã được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ (phần vốn hỗ trợ của Nhà nước). Thẩm quyền, trình tự, thủ tục đầu tư, hỗ trợ vốn nhà nước tại ngân hàng hợp tác xã được thực hiện theo quy định tại Điều 28 Nghị định này đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ.

b) Đối với quỹ tín dụng nhân dân: việc phân phối phần lợi nhuận còn lại thực hiện theo quy định của Luật Hợp tác xã và Điều lệ của quỹ tín dụng nhân dân.”

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 25 như sau:

“4. Đối với tổ chức tài chính vi mô do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tài chính vi mô do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ, phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này thực hiện phân phối như sau:

a) Trích không quá 40% vào quỹ đầu tư phát triển, đảm bảo trích không quá 50% vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ đầu tư phát triển theo quy định tại Điều 25 Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Mức tối đa của quỹ đầu tư phát triển không vượt quá mức vốn điều lệ của tổ chức tài chính vi mô.

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu của tổ chức tài chính vi mô căn cứ quy định về đánh giá xếp loại đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ để thực hiện việc rà soát kế hoạch tài chính, giao chỉ tiêu đánh giá, xếp loại và thực hiện đánh giá xếp loại cho tổ chức tài chính vi mô. Căn cứ kết quả đánh giá xếp loại, tổ chức tài chính vi mô thực hiện phân phối phần lợi nhuận còn lại theo quy định đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.”

6. Sửa đổi Điều 27 như sau:

“Điều 27. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự trữ bổ sung vốn được cấp dùng để bổ sung vốn điều lệ, vốn được cấp.

2. Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

3. Quỹ đầu tư phát triển dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển và bổ sung vốn điều lệ.

4. Quỹ khen thưởng dùng để:

a) Thường cuối năm, thường thường kỳ, thường đột xuất, thường theo quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng cho cá nhân, tập thể trong tổ chức tín dụng (bao gồm cả người quản lý tổ chức tín dụng làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên do Nhà nước bổ nhiệm);

b) Thường cho cá nhân và đơn vị ngoài tổ chức tín dụng có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của tổ chức tín dụng;

c) Thẩm quyền quyết định mức thưởng quy định tại điểm a, điểm b khoản này thực hiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Điều lệ và quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng;

d) Mức tiền thưởng đối với người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước, kiểm soát viên thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp, người đại diện phần vốn nhà nước và kiểm soát viên trong doanh nghiệp nhà nước.

5. Quỹ phúc lợi dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa, bổ sung vốn xây dựng các công trình phúc lợi của tổ chức tín dụng, góp vốn đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng thỏa thuận;

b) Chi cho các hoạt động thể thao, văn hóa, phúc lợi công cộng của người lao động trong tổ chức tín dụng (bao gồm cả người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên làm việc theo hợp đồng lao động và người quản lý tổ chức tín dụng, kiểm soát viên do Nhà nước bổ nhiệm);

c) Chi trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho người lao động trong tổ chức tín dụng, kể cả người lao động đã về hưu, mất sức của tổ chức tín dụng;

d) Chi cho các hoạt động phúc lợi khác.

Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên), Tổng Giám đốc (hoặc Giám đốc) của tổ chức tín dụng phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn của tổ chức tín dụng quản lý, sử dụng quỹ này.

6. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm ban hành quy chế quản lý và sử dụng các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Riêng đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a) Phải xây dựng, ban hành quy chế quản lý, sử dụng quỹ theo pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp để áp dụng trong nội bộ tổ chức tín dụng; quy chế đảm bảo dân chủ, minh bạch có sự tham gia của Ban Chấp hành công đoàn của tổ chức tín dụng và công khai trong tổ chức tín dụng trước khi thực hiện;

b) Trong năm tài chính, tổ chức tín dụng chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức tín dụng có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.”

7. Sửa đổi khoản 2 Điều 29 như sau:

“2. Lập kế hoạch tài chính:

a) Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ:

a.1) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước;

a.2) Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Mẫu biểu lập kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước theo Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định này;

a.3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập để có ý kiến chính thức bằng văn bản và giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với tổ chức tín dụng trước ngày 31 tháng 3 của năm kế hoạch; đồng thời gửi Bộ Tài chính kết quả giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với tổ chức tín dụng để phối hợp theo dõi, tổng hợp, giám sát theo quy định pháp luật.

b) Đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ:

b.1) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, tổ chức tín dụng lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp và gửi Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước;

b.2) Trước ngày 01 tháng 3 của năm kế hoạch, căn cứ kết quả kinh doanh của năm trước, tổ chức tín dụng rà soát, hoàn chỉnh kế hoạch tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính để phục vụ công tác giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng. Mẫu biểu lập kế hoạch nguồn vốn và sử dụng vốn; kế hoạch thu nhập, chi phí, kết quả kinh doanh và chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước theo Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định này;

b.3) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện rà soát lại kế hoạch tài chính do tổ chức tín dụng lập và xác định các chỉ tiêu đánh giá cụ thể để giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng trước ngày 31 tháng 3 của năm kế hoạch; đồng thời gửi Bộ Tài chính kết quả giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với tổ chức tín dụng để phối hợp theo dõi, tổng hợp, giám sát theo quy định pháp luật.

c) Đối với tổ chức tín dụng khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài: việc lập kế hoạch tài chính thực hiện theo quy định tại Điều lệ, quy chế tài chính và quy chế nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.”

8. Sửa đổi Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 1 Điều 31 như sau:

“d) Tiêu chí 4. Chấp hành pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về tiền tệ và ngân hàng, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính;”

b) Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 31 như sau:

“a) Thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác được cơ quan đại diện chủ sở hữu đánh giá, chấp thuận;”

c) Sửa đổi điểm d khoản 3 Điều 31 như sau:

“d) Tình hình chấp hành pháp luật:

Tình hình chấp hành pháp luật bao gồm chấp hành các chế độ, chính sách pháp luật trong lĩnh vực về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp, lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, quy định về chế độ báo cáo tài chính, báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.”

9. Sửa đổi khoản 2 Điều 32 như sau:

“2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát kế hoạch tài chính để giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại cho tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng. Các chỉ tiêu này phải giao cho tổ chức tín dụng bằng văn bản trước ngày 31 tháng 3 của năm kế hoạch và không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.”

10. Sửa đổi khoản 2 Điều 33 như sau:

“2. Trước khi tổ chức tín dụng tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát kế hoạch tài chính để xác định các chỉ tiêu đánh giá đối với tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ để giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng bằng văn bản trước ngày 31 tháng 3 của năm kế hoạch. Các chỉ tiêu đánh giá không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.”

11. Sửa đổi khoản 2 Điều 34 như sau:

“2. Trước khi ngân hàng hợp tác xã tổ chức họp Đại hội thành viên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam rà soát kế hoạch tài chính để xác định các chỉ tiêu đánh giá đối với ngân hàng hợp tác xã để giao nhiệm vụ cho người đại diện phần vốn hỗ trợ của Nhà nước tại Ngân hàng Hợp tác xã bằng văn bản trước

ngày 31 tháng 3 của năm kế hoạch; đồng thời gửi Bộ Tài chính kết quả giao các chỉ tiêu đánh giá, xếp loại đối với ngân hàng hợp tác xã để phối hợp theo dõi, tổng hợp, giám sát theo quy định pháp luật. Các chỉ tiêu đánh giá không được điều chỉnh trong suốt kỳ thực hiện kế hoạch, trừ các trường hợp bất khả kháng.”

12. Sửa đổi điểm b, điểm c khoản 2 Điều 40 như sau:

“b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính trong việc thực hiện giám sát, kiểm tra, đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp nhà nước là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; gửi báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra và kết quả xếp loại của doanh nghiệp là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và báo cáo kết quả giám sát, kiểm tra của doanh nghiệp là tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ trên 50% đến dưới 100% vốn điều lệ cho Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính căn cứ quy định tại Nghị định này và các quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp để thực hiện giám sát, kiểm tra và đánh giá hiệu quả hoạt động ngân hàng hợp tác xã. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam lập báo cáo đánh giá hiệu quả hoạt động ngân hàng hợp tác xã, gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp.”

13. Bãi bỏ Phụ lục III quy định về mẫu biểu lập kế hoạch lao động, tiền lương.

14. Sửa đổi điểm 4 mục I Phụ lục IV như sau:

“4. Tiêu chí 4. Tình hình chấp hành pháp luật theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định này.

4.1. Tổ chức tín dụng xếp loại A khi đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

a) Trong năm đánh giá không bị cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản hoặc bị nhắc nhở bằng văn bản không quá hai lần về việc nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại tổ chức tín dụng, báo cáo tài chính và các báo cáo khác để thực hiện giám sát tài chính không đúng quy định, không đúng hạn đối với từng loại báo cáo;

b) Trong năm đánh giá không bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính; trường hợp bị cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính thì phải đảm bảo không bị xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi lừa đảo, gian lận, giả mạo; nặc danh, mạo danh; chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép; phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam; hoạt động kinh doanh trái phép; cung cấp thông tin không trung thực; lấy cắp thông tin; đánh cắp dữ liệu theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

4.2. Tổ chức tín dụng xếp loại C khi vi phạm một trong các trường hợp sau:

a) Không nộp báo cáo giám sát, báo cáo xếp loại tổ chức tín dụng, báo cáo tài chính và các báo cáo khác để thực hiện giám sát tài chính theo quy định hoặc nộp báo cáo không đúng quy định, không đúng thời hạn bị cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan tài chính nhắc nhở bằng văn bản trên ba lần trong năm đánh giá đối với từng loại báo cáo;

b) Bị các cơ quan có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền trong năm đánh giá đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng gồm: lừa đảo, gian lận, giả mạo; nặc danh, mạo danh; chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn giấy phép; phá hoại, hủy hoại tiền Việt Nam; hoạt động trái phép; cung cấp thông tin không trung thực; lấy cắp thông tin; đánh cắp dữ liệu theo quy định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng;

c) Bị cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính do không tự nguyện chấp hành.

d) Người quản lý tổ chức tín dụng vi phạm pháp luật trong quá trình thực thi nhiệm vụ tại tổ chức tín dụng thuộc một trong những lĩnh vực nêu tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định này theo công bố, kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền hoặc đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Việc đánh giá xếp loại tổ chức tín dụng chỉ tính 01 lần đối với cùng 01 vụ việc sai phạm của người quản lý tổ chức tín dụng.

4.3. Tổ chức tín dụng xếp loại B là các tổ chức tín dụng còn lại không được xếp loại A hoặc loại C.”

15. Thay thế cụm từ “pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp” bằng cụm từ “pháp luật về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp” quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5; khoản 2 Điều 6; Điều 10; khoản 2 Điều 11; khoản 2 Điều 12; Điều 28; khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 41 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP.

Điều 2. Quy định chuyển tiếp

Đối với việc phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2024 chưa thực hiện phân phối lợi nhuận trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, việc phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 10 năm 2026.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b). *1h*

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Nguyễn Văn Thắng
Nguyễn Văn Thắng